

FINAVESTAN



Nonfood Compounds
Program Listed 3H

Dầu khoáng trắng



Dầu trắng cấp dược phẩm

Ứng Dụng

Các ngành công nghiệp:

- Ngành hóa dầu
- Ngành dược phẩm
- Ngành thực phẩm

Các loại dầu trắng **FINAVESTAN** được sử dụng rộng rãi trong nhiều ứng dụng đòi hỏi độ tinh khiết và hiệu suất cao, đặc biệt là:

- Hóa dầu: Chất làm dẻo và dầu bôi trơn bên ngoài cho polystyrene, polyethylene, polypropylene; Chất mang xúc tác và chất phân tán sắc tố.
- Dược phẩm: thuốc nhuận tràng, kem và thuốc bôi dẻo, chất bôi trơn dạng viên
- Giấy: bôi trơn rãnh và các khe hở
- Chất kết dính bụi, chất khử mùi, đánh bóng đồ gỗ

Ứng dụng này tuân theo các điều luật và quy định hiện hành ở mỗi quốc gia:

- Chất xúc tác tháo khuôn, chất khử mùi và lớp bảo vệ trong ngành thực phẩm
- Phụ gia bôi trơn cho ngành thực phẩm (tiếp xúc ngẫu nhiên với thực phẩm)
- Chất thêm vào quá trình sản xuất thực phẩm (tiếp xúc trực tiếp thực phẩm)

Số CAS: 8042-47-5

Số EINECS: 232-455-8

Số INCI (EU): Paraffinum Liquidum

Đặc Điểm Kỹ Thuật

Dầu trắng **FINAVESTAN** đáp ứng các yêu cầu của các đặc điểm kỹ thuật sau ⁽¹⁾:

- Dược thư Châu Âu, phiên bản gần đây nhất ⁽²⁾:
- Dược thư Mỹ, , phiên bản gần đây nhất
- US FDA, 21 CFR 178.3620 (a), dầu khoáng trắng
- Quy định Châu Âu 2011/10/CE ⁽³⁾ liên quan đến vật liệu dẻo và những đồ có xu hướng tiếp xúc với thực phẩm
- Dầu trắng **FINAVESTAN** theo tiêu chuẩn đăng ký NSF 3H và H1, thích hợp tiếp xúc ngẫu nhiên và trực tiếp với thực phẩm ⁽⁴⁾

*Thông tin chi tiết về sự tuân thủ của dầu trắng **FINAVESTAN** có sẵn theo yêu cầu thông qua đại diện bán hàng tại địa phương của bạn*

(1) Với mỗi quy định, xem rõ định nghĩa dầu khoáng trắng theo cấp độ được lựa chọn (độ nhớt) của dầu **FINAVESTAN**

(2) **FINAVESTAN A 50B, A 210B và A 520B** không bao gồm trong dược thư Châu Âu do độ nhớt của sản phẩm nhưng lại tuân theo tất cả yêu cầu về độ tinh khiết của dược thư này cũng như các dược thư của quốc gia khác trong các nước Châu Âu mà sản phẩm này đáp ứng

(3) Chỉ **FINAVESTAN A 360B và A 520B** tuân theo quy định 2011/10/CE do độ nhớt của sản phẩm

(4) Theo quy định của Mỹ FDA (US FDA 21 CFR 178-3620(a), dầu khoáng trắng)

TOTAL VIỆT NAM

19-04-2018 (Thay cho phiên bản 09-09-2016)

FINAVESTAN

1/2

Dầu bôi trơn này khi được sử dụng theo khuyến nghị và cho mục đích đã dự định, sẽ không có mối nguy hiểm đặc biệt nào. Bản đặc tính an toàn tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam hoặc tại website www.quick-fds.com.



Ưu Điểm

- Dầu trắng **FINAVESTAN** thu được từ dầu mỏ thông qua một vài giai đoạn tinh chế quan trọng mà đảm bảo độ được độ tinh khiết cực cao.
- **FINAVESTAN** là dầu trong suốt và không màu. Sản phẩm cũng không có mùi và vị
- Với lĩnh vực y tế sức khỏe, dầu trắng **FINAVESTAN** đáp ứng các yêu cầu của ngành mỹ phẩm, dược phẩm và ngành thực phẩm liên quan mà bắt buộc phải tuân theo các quy định của mỗi quốc gia

Các Đặc Tính Tiêu Chuẩn	Phương Pháp	Đơn Vị	FINAVESTAN						
			A50B	A80B	A100B	A180B	A210B	A360B	A520B
Màu Saybolt (Min.)	ASTM D 156	-	+30	+30	+30	+30	+30	+30	+30
Độ nhớt ở 40°C	ASTM D 445	mm ² /s	8	15	23	30	40	68	100
Tỉ trọng ở 20°C	ASTM D 4052	kg/m ³	830	854	856	858	860	864	868
Điểm đông đặc (Max.)	ASTM D 97	°C	-6	-6	-6	-6	-9	-12	-12
Điểm chớp cháy (Min.)	ASTM D 92	°C	150	180	195	200	210	240	250

Các thông số trên đại diện cho các giá trị trung bình dùng làm thông tin tham khảo

TOTAL VIỆT NAM

19-04-2018 (Thay cho phiên bản 09-09-2016)

FINAVESTAN

2/2

Dầu bôi trơn này khi được sử dụng theo khuyến nghị và cho mục đích đã dự định, sẽ không có mối nguy hiểm đặc biệt nào. Bản đặc tính an toàn tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam hoặc tại website www.quick-fds.com.

